

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/02/2022

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Ông Trần Công Mẫn

2) Bà Đinh Thị Kim Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên;

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân TXGC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2021, về việc: “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 2, xã BX, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp 2, xã BX, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

*(Chị D xin vắng mặt, anh H vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D trình bày:*

Chị và anh Võ Văn H tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BX vào ngày 03 tháng 7 năm 2018. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi nhau. Đến tháng 7 năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Thời gian

sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Võ Thị Kim K, sinh ngày 02/11/1999 và Võ Thị Kim V, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2008. Thời gian sống ly thân, chị là người trực tiếp nuôi 02 con. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con Võ Thị Kim V, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con tên Võ Thị Kim K đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Võ Văn H, hợp lệ nhưng anh H không đến trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị D.

*\* Ý kiến Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, chị Nguyễn Ngọc D và anh Võ Văn H có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2011. Đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020. Thời gian sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trầm trọng nên chị D yêu cầu xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Chị D và anh H có 02 con chung tên Võ Thị Kim K, sinh ngày 02/11/1999, đã trưởng thành và Võ Thị Kim V, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2008, hiện sống với chị D. Theo biên bản xác minh ngày 20/12/2021, tại Ủy ban nhân dân xã BX, chị D là công nhân, anh H làm thợ hồ nên có đủ điều kiện nuôi con. Đồng thời xét nguyện vọng của Võ Thị Kim V là muốn tiếp tục sống với chị D nên việc chị D yêu cầu được nuôi cháu Vy mà không yêu cầu anh H cấp dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề xuất giải quyết theo hướng chấp nhận tòa bộ yêu cầu của chị D. Về hôn nhân: Chị D được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cháu Vy cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Ngọc D và anh Võ Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Ngọc D có đơn xin vắng mặt. Anh Võ Văn H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh H.

Xét về tình cảm: Chị D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2020. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Mặt khác, anh H không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị D là cố ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh chị cho chị D tự quyết định. Do đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Võ Thị Kim K, sinh ngày 02/11/1999, đã trên 18 tuổi và không yêu cầu giải quyết; Võ Thị Kim V, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2008, đang sống với chị D. Theo biên bản xác minh ngày 20/12/2021, tại Ủy ban nhân dân xã BX: Chị D là công nhân, anh H làm nghề thợ hồ, cả hai có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, theo “Bản tự khai” ngày 15/12/2021, Võ Thị Kim V muốn được sống chung với mẹ. Do đó, cần giao cho chị Diễm tiếp tục nuôi cháu Vy. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh H không phải nộp án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều luật áp dụng:**

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

#### ***1/ Về quan hệ hôn nhân:***

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc D.
- Chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn với anh Võ Văn H.

#### ***2/ Về con chung:***

- Giao Võ Thị Kim V, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2008 cho chị Nguyễn Ngọc D tiếp tục nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Ngọc D không yêu cầu anh Võ Văn H cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.
- Võ Thị Kim K, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1999, đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

**3/ Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết.

**4/ Về án phí:** Chị Nguyễn Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0006555, ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị D đã nộp xong án phí.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND TXGC;
- CC. Thi hành án DS TXGC;
- UBND xã BX;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI**

